

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 183/2021/DS-PT

Ngày: 18/5/2021

V/v tranh chấp: “Yêu cầu  
chia tài sản chung và chia thừa  
kế quyền sử dụng đất”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**.

*Các Thẩm phán:* Ông **Mai Hoàng Khải**.

Ông **Lê Thanh Vân**.

*-Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Văn Giang**, Thư ký Tòa án.

*-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:* Bà **Hà Thúy Thảo**,  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 435/2020/TLPT-DS ngày 03/11/2020 về việc tranh chấp: “Yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 108/2020/DSST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 538/2020/QĐ-PT ngày 06/11/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

1.1. Bà **Nguyễn Thị Bé B**, sinh năm 1953 (vắng mặt).

1.2. Bà **Nguyễn Thị Cẩm V**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.3. Bà **Nguyễn Thị Cẩm H**, sinh năm 1970 (có mặt).

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Thị Cẩm V:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm H**, sinh năm 1970, là đại diện ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 12/12/2017 - có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.4. Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1963 (chết ngày 21/9/2019).

Người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bà H2 gồm:

+ Ông **Mai Hữu L**, sinh năm 1961 (vắng mặt).

+ Ông **Mai Xuân T**, sinh năm 1980 (vắng mặt).

+ Ông **Mai Xuân T**, sinh năm 1984 (vắng mặt).

+ Ông **Mai Hòa T**, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp của anh Mai Hòa T:* Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1970, là đại diện ủy quyền (Theo giấy ủy quyền ngày 30/3/2020 - có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

## 2. Bị đơn.

2.1. Bà **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1950 (có mặt).

2.2. Ông **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm 1966 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Hoàng H, bà Nguyễn Thị Bé H:* Luật sư **Phạm Văn V**, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

## 3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Nguyễn Hoàng S**, sinh năm 1956 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1954. (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp của ông Lâm:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm H**, sinh năm 1970, là đại diện ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 30/3/2020 - có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Anh **Trần Minh T**, (tên gọi khác Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1986 - có mặt).

Địa chỉ: Số A, Khu B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967 (vắng mặt).

3.5. Chị **Nguyễn Thị Hoàng O**, sinh năm 1989 (vắng mặt).

3.6. Chị **Nguyễn Thị Ngọc Y**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Hoàng O, Nguyễn Thị Ngọc Y:* Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1966, là đại diện ủy quyền (theo giấy ủy quyền ngày 31/3/2020 - có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.7. Bà **Đặng Thị M**, sinh năm 1923 (chết ngày 14/6/2013).

Những người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bà M: Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Thị Cẩm H, Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Thị Bé H, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Hoàng S, Nguyễn Thành L, Mai Hữu L, Mai Xuân T, Mai Xuân T, Mai Hòa T.

4. *Người kháng cáo*: Bị đơn Nguyễn Hoàng H.

5. *Cơ quan kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo án sơ thẩm:*

*Nguyên đơn Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Thị Cẩm H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Cẩm V trình bày thống nhất:*

Cha là cụ Nguyễn Văn H, sinh năm 1930, chết năm 2001; mẹ là cụ Đặng Thị O, sinh năm 1929 chết năm 2006. Ông bà nội, ngoại chết trước cha mẹ. Cha mẹ không có cha mẹ nuôi và con nuôi, có 09 người con ruột gồm: Nguyễn Thị Bé H; Nguyễn Thị Bé B; Nguyễn Thành L; Nguyễn Hoàng S; Nguyễn Thị Thu H (chết ngày 21/9/2019 có chồng tên Mai Hữu L và các con Mai Xuân T; Mai Xuân T và Mai Hòa T); Nguyễn Hoàng H; Nguyễn Hoàng K(chết năm 1997 có vợ tên Trần Thị N và con là Trần Minh T); Nguyễn Thị Cẩm H và Nguyễn Thị Cẩm V.

Lúc sinh thời cha mẹ có thửa đất số 2007 diện tích 11.106m<sup>2</sup>, loại đất vườn và thửa đất số 2008, diện tích 5.205m<sup>2</sup>, loại đất ruộng nhưng hiện nay đã lên vườn, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy 1058 QSDĐ ngày 03/4/1999. Hai thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Đặng Thị O đại diện hộ đứng tên. Trên thửa đất có một nhà ngôi nhà ngói, cột bê tông, nền gạch xây dựng khoảng năm 2007.

Cụ H và cụ O chết không để lại di chúc, trước khi chết cũng chưa phân chia các tài sản này. Sau khi hai cụ chết ông H và bà Bé H quản lý toàn bộ hai thửa đất. Nay các nguyên đơn yêu cầu chia hai thửa đất trên theo quy định pháp luật. Đối với ông Skhông nhận di sản nên chia làm 8 kỹ phần bằng nhau. Xin nhận một kỹ phần là quyền sử dụng đất. Đối với căn nhà trên đất không yêu cầu chia mà giao cho ông H và bà Bé H quản lý để dùng vào việc thờ cúng.

*Bị đơn ông Nguyễn Hoàng H đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Hoàng O, Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày:*

Về quan hệ gia đình nhân thân cũng như về diện tích đất đang tranh chấp như nguyên đơn trình bày là đúng. Về nguồn gốc đất là của ông bà ngoại cho mẹ ông. Trước khi mẹ chết đã làm thủ tục sang tên cho ông, nhưng đến nay chưa được cấp

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông đã quản lý và canh tác từ khi mẹ chết đến nay. Nay ông không đồng ý chia theo yêu cầu của nguyên đơn. Đối với căn nhà trên đất, ông có tu bổ sửa chữa lại và để thời cúng ông bà nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của nguyên đơn.

*Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H trình bày:*

Bà Bé H trình bày giống ý kiến ông H và không đồng ý chia nhà và đất theo yêu cầu của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị M trình bày:*

Bà M có đơn khởi kiện ngày 10/10/2011 với nội dung: hai thửa đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ bà là cụ Đặng Văn Đ (chết năm 1948) và cụ Dương Thị K (chết khoảng năm 1935) cho bà với bà O. Sau đó, bà O kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn nhà trên đất là do bà và bà O xây dựng nên yêu cầu ông H chia lại ½ diện tích đất và căn nhà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/6/2013 Bà M chết, chồng Bà M chết trước bà M. Bà M không có con ruột, con nuôi và cha mẹ nuôi. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất và thừa hai của Bà M không có. Hàng thừa kế thứ 3 là các cháu ruột của Bà M cũng là nguyên đơn, bị đơn và người liên quan trong vụ án này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Minh T (Nguyễn Hoàng T) trình bày:*

Anh Thiện có ý kiến giống nguyên đơn và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà Bé H phải chia lại cho anh một kỷ phần thừa kế thế vị của cha anh tên Nguyễn Hoàng K theo quy định pháp luật và xin nhận tài sản là quyền sử dụng đất.

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị Thu H, ông Mai Hữu L, các anh Mai Hòa T, Mai Xuân T, Mai Xuân T trình bày:*

Anh Mai Hòa T có đơn yêu cầu tiếp tục khởi kiện đòi chia một kỷ phần thừa kế thế vị của bà H2 theo quy định pháp luật. Nhưng đến ngày 16/4/2020 có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Còn ông Mai Hữu L, anh Mai Xuân T và Mai Xuân T không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà Hồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Nguyễn Hoàng S trình bày:*

Ông Scó ý kiến là từ chối nhận di sản thừa kế của cụ O chết để lại và không có ý kiến gì về tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn trong vụ án này.

Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2020/DSST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm c khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 5 và Điểm a, c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 649, 650, 651 và 652 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ các Điều 97, 98, 99, 100 và khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:**

I. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của anh Mai Hòa T:

Đối với yêu cầu chia cho anh một kỹ phần thừa kế thế vị của mẹ anh là bà Nguyễn Thị Thu H.

II. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) Nguyễn Thị Bé B; Nguyễn Thị Cẩm H; Nguyễn Thị Cẩm V; Nguyễn Thành L và anh Trần Minh T (Nguyễn Hoàng T):

Đối với yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà trên thửa đất số 2007, có kết cấu Cột bê tông cốt thép; vách tường, mái ngói, nền gạch men.

III. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị M yêu cầu chia ½ căn nhà và hai thửa đất trên, do không có người thừa kế quyền và nghĩa vụ.

IV. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các ông (bà) Nguyễn Thị Bé B; Nguyễn Thị Cẩm H; Nguyễn Thị Cẩm V; Nguyễn Thành L và Trần Minh T (Nguyễn Hoàng T).

- Buộc ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Bé H chia cho Nguyễn Thị Bé B; Nguyễn Thị Cẩm H; Nguyễn Thị Cẩm V; Nguyễn Thành L và Trần Minh T (Nguyễn Hoàng T) mỗi người 2.027,5m<sup>2</sup> đất. Thuộc một phần hai thửa 2007 diện tích 11.106m<sup>2</sup> và thửa đất số 2008, diện tích 5.205m<sup>2</sup>. Theo đo đạc thực thửa 2007, diện tích 10.281,6m<sup>2</sup> và thửa 2008, diện tích 5.938,9m<sup>2</sup>. Tổng diện tích thực tế là 16.220,5m<sup>2</sup>. Có sơ đồ bản vẽ kèm theo:

- Cụ thể tứ cận như sau:

1. Phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Cẩm V có diện tích 2.027,5m<sup>2</sup> có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp phần còn lại thửa 2007, dài 102,45m. Gồm 3 đoạn (47,47m + 12,51m + 42,47m).

- Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Hoàng S và thửa 2008 dài 104,73m. Gồm một phần giáp thửa ông Nguyễn Hoàng S dài 46,12m, một phần giáp thửa 2008, dài gồm 03 đoạn (6,60m + 3,49m + 48,52m).

- Hướng Đông giáp đường đan công cộng rộng 17,01m. Gồm 2 đoạn (3,50m + 13,51m).

- Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 2007 rộng 24,3m.

2. Phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Cẩm H có diện tích 2.027,5m<sup>2</sup> có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp phần còn lại thửa 2007 (phần đất chia cho bà Vân) rộng 18,18m.

- Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Bé B rộng 18.95m. Gồm 3 đoạn (3.15m + 4,11m + 11,69m).

- Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 2007 và đất ông Nguyễn Hoàng S dài 107,49m. Gồm phần giáp thửa 2007 gồm 02 đoạn (3,49m + 6,60m) phần giáp đất ông Nguyễn Hoàng S gồm 5 đoạn 50,73m + 26,13m + 3,52m + 13.15m + 3.87m).

- Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 2008 (phần chia cho ông Lâm) dài 99.82m.

3. Phần chia cho ông Nguyễn Thành L có diện tích 2.027,5m<sup>2</sup> có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp phần còn lại thửa 2007 (phần chia cho bà Vân) rộng 20.84m.

- Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Bé B rộng 21.26m.

- Hướng Đông giáp phần còn lại của thửa 2008 (phần chia cho bà Hoa) dài 99,82m.

- Hướng Tây giáp phần còn lại thửa 2008 dài 94,69m.

4. Phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Bé B có diện tích 2.027,5m<sup>2</sup> có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp phần còn lại thửa 2007 (phần chia cho bà Vân và anh Thiện) rộng 22.89m. Gồm 2 đoạn (9,5m + 13.39m).

- Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Thị Bé B và đất ông Nguyễn Hoàng S rộng 23,58m . Gồm 02 đoạn (13,48m + 10,10m).

- Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 2008 (phần chia cho ông Lâm) dài 94,69m.

- Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Hoàng S dài 88,25m. Gồm 02 đoạn (22,14m + 66.11m).

5. Phần đất chia cho anh Trần Minh T (Nguyễn Hoàng T) có diện tích 2.027,5m<sup>2</sup> có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp đất Lê Thanh Hữu. Gồm 5 đoạn (8,33m + 13,06m + 3,06m + 8,88m + 3,43m).

- Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Hoàng S dài 24,39m.

- Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 2007 dài 60.84m.

- Phía Tây giáp đất bà Trần Thị Lang. Gồm 07 đoạn (15,04m + 2,27m + 9,70m + 19.74m + 4m + 18,1m + 2,78m) 71,63m.

Thực hiện việc chia đất sau khi án có hiệu lực pháp luật. Các ông (bà) Bé Ba, Hoa, Vân, Lâm và anh Thiện được quyền liên hệ với Cơ quan chức năng đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

(Nếu đất có biến động thì Cơ quan cấp giấy có quyền điều chỉnh lý theo biến động đối với phần đất đã được chia để lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người được chia đất).

- Người được chia đất đã tự nguyện thỏa thuận lối đi vào các thửa đất được chia.

#### V. Buộc bồi thường trị giá cây trồng:

- Buộc bà Bé B và bà H mỗi người bồi thường cho ông H 190.970.000 đồng; bà Vân bồi thường cho ông H là 31.072.000 đồng; Ông Lâm bồi thường cho ông H là 80.447.000 đồng và anh Thiện bồi thường cho ông H là 53.940.000 đồng.

Thực hiện một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông H, bà Bé H và các thành viên trong hộ ông H không được chặt phá, làm hư hỏng cây trồng đối phần cây trồng chia cho bà Bé B, bà Hoa, bà Vân, ông Lâm và anh Thiện. Nếu làm thiệt hại số lượng cây trồng đã giao theo bản án thì người được chia đất chỉ bồi thường phần cây trồng được nhận còn lại theo bản án đã tuyên.

- Đối với cây trồng không được chia trong bản án thì ông H được quyền di dời ra khỏi phần đất giao cho người được chia đất.

- Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án nếu các ông (bà) Bé Ba; Hoa; Lâm, anh Thiện và Vân chậm thực hiện nghĩa vụ chia tiền và bồi thường thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

#### VI. Đối với phần đất còn lại:

Phần đất còn lại của thửa đất 2007 giao cho ông H và bà Bé H quản lý sử dụng. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp đối với các kỹ phần thừa kế còn lại thì được khởi kiện bằng vụ kiện khác.

VII. Về án phí: Bà Bé B và bà H mỗi người chịu 15.124.000 đồng; Ông Lâm phải chịu 9.597.900 đồng và anh Thiện chịu 8.272.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Bé H và anh Hải mỗi người chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Bé B, ông Lâm, đại diện hàng thừa kế của bà Hồng; anh Thiện, bà Hoa, bà Vân mỗi người 200.000 đồng theo các biên lai thu số 002370; 002371; 002372 và 002373 cùng ngày 02/3/2011, biên lai thu số 002460 ngày 23/3/2011 và biên lai thu số 003007, ngày 25/7/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Hoàn lại cho anh Mai Hòa T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003282, ngày 31/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí của Bà M tại biên lai thu số 003333, ngày 13/10/2011 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/8/2020, bị đơn Nguyễn Hoàng H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 28/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang kháng nghị bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm H, Nguyễn Thị Cẩm V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Minh T, Nguyễn Thanh Lgiữ nguyên yêu cầu độc lập, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của Bà M là ông H , bà Bé H đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà. Ngày 24/02/2021, nguyên đơn Nguyễn Thị Bé B có đơn xin rút đơn khởi kiện.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hphát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Việc định giá của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự, Thông tư số 28/2015/TT-BTC ngày 06/3/2015 ban hành tiêu chuẩn định giá Việt Nam số 5, 6 và 7. Giá trị tài sản trên đất buộc trả cho bị đơn được áp giá theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang là không khách quan và đúng thực tế. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét cụ thể ý kiến của ông Strong việc từ chối di sản để quyết định là chưa phù hợp vì vượt quá phạm vi 06 tháng theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005. Tòa án cấp sơ thẩm xác định hai thửa đất 2007, 2008 là tài sản của cá nhân cụ Olà chưa phù hợp với quy định tại Khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai 2013, Điều 106 Bộ luật Dân sự 2005, Thông tư 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính. Do đó, cần xác định hai thửa đất trên được cấp cho hộ mà đại diện là cụ Ôn. Đối với yêu cầu độc lập của bà M, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu của bà là không phù hợp vì tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hai và ông Htiếp tục yêu cầu Tòa án giải quyết đơn kiện của bà M. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ các yêu cầu của anh Thắm, đơn của những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Hồng, chưa xem xét công sức của ông Htrong việc cải tạo từ đất ruộng lên đất vườn tại thửa 2008, chưa xác định được nhân thân của anh Nguyễn Minh T . Việc khắc phục xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá của Tòa án cấp phúc thẩm cũng không khắc phục được những vi phạm về tố tụng và nội dung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:



Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định; Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang giữ nguyên quan điểm kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và về nội dung, chưa thu thập chứng cứ đầy đủ, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất không chính xác. Nội dung quyết định của bản án không thi hành được: không xác định chính xác số cây buộc phải di dời cũng như không tính giá trị của các loại cây trồng khác. Mặc dù, các nguyên đơn phải trả giá trị cây trồng trên đất cho ông Hnhung Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên các đương sự này được quyền sở hữu tài sản trên đất. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/6/2019 (bút lục 806-809), số cây trên đất chia cho bà B , bà H gồm nhiều loại cây nhưng trong bản án chỉ buộc mỗi người bồi thường 26 cây loại sầu riêng B1 theo quyết định 03/2019/QĐ-UBND ngày 15/3/2019. Phần đất chia cho bà B và bà H là hai phần tách biệt nhau, cây trồng trên đất khác nhau nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tính giá trị chung tài sản trên hai phần đất và chia bình quân, buộc hai bà bồi thường ngang nhau là không chính xác. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét hết ý kiến của các đương sự, chưa tính công sức tôn tạo di sản của ông H , đưa thiếu người tham gia tố tụng. Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chưa đủ căn cứ xác định anh Nguyễn Minh T là con của ông K . Những vi phạm trên không thể khắc phục nên cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án C giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, áp dụng Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông H , chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Nguyễn Hoàng H nộp, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273, 278, 279, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết, Tòa án sơ thẩm xác định tranh chấp “chia tài sản chung và chia thừa kế quyền sử dụng đất” là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Thanh Hải và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C:

Ngày 25/8/2020, ông Hkháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng. Ngày 28/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị yêu cầu hủy án sơ thẩm vì các lý do: thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, quyết định của bản án tuyên không thi hành được và không phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án; việc định giá không đúng quy định của pháp luật; chưa làm rõ ý chí của đương sự trong vụ án, đưa thiếu người tham gia tố tụng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, chưa xem xét hết yêu cầu khởi kiện của đương sự: Bà Nguyễn Thị Thu H là một trong các nguyên đơn có đơn yêu cầu chia thừa kế ngày 28/02/2011 (bút lục 121). Quá trình giải quyết vụ án, ngày 21/9/2019, bà H2chết (bút lục 853). Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H2tham gia tố tụng gồm chồng và con của bà: Mai Hữu L, Mai Xuân T, Mai Xuân T, Mai Hòa T. Ngày 31/3/2020, Mai Hòa T là con của bà H2có văn bản trình bày ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mẹ là bà Nguyễn Thị Thu H (bút lục 858). Tuy vậy, bản tự khai ngày 17/7/2020 (bút lục 955), do ông Nguyễn Hoàng H giao nộp cho Tòa án có nội dung: Ông Mai Hữu L, các anh Mai Xuân T, Mai Xuân T, Mai Hòa T có ý kiến xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hồng; trường hợp Tòa án xác định phân tài sản đang tranh chấp là của cụ Đặng Thị O thì nhường lại toàn bộ di sản được hưởng cho ông H . Văn bản này có chữ ký phía trên dòng chữ ghi họ tên Mai Hữu L. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ, chữ ký trong văn bản này có phải là của ông Lộc hay không vì ông Lộc không trực tiếp giao nộp tài liệu cho Tòa án. Do đó, không có căn cứ cho rằng những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H2đã rút yêu cầu khởi kiện của bà. Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2020/DS-ST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C chưa xem xét đến yêu cầu khởi kiện của bà H2nhưng lại xử lý về phần án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 002372 ngày 02/3/2011 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Theo đơn yêu cầu chia thừa kế ngày 28/02/2011 của các nguyên đơn gồm: Nguyễn Thị Bé B, Nguyễn Thị Cẩm H, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị Cẩm V, đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Thanh L (đơn ngày 22/3/2011 - bút lục 143), Nguyễn Hoàng T (đơn ngày 22/7/2011 - bút lục 155), đều có chung nội dung: Xác định di sản thừa kế của ông Hai, bà O là căn nhà gắn liền với thửa đất 2007, diện tích 11.106m<sup>2</sup>; thửa đất 2008, diện tích 5.205m<sup>2</sup>; thửa đất số 2392, diện tích 984m<sup>2</sup>, cùng tọa lạc ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản này. Ngày 23/5/2012, các đương sự gồm Bé Ba, Hoa, Vân, Lâm có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chia thừa đất số 2392, diện tích 984m<sup>2</sup>. Đối với bà Hồng, anh Thiện không có ý kiến về việc rút yêu cầu chia thừa đất 2392 vì đơn đề ngày 23/5/2012 (bút lục 177), bà Hồng, anh Thiện có đứng đơn nhưng không có ký tên. Mặc dù, bà Vân là đại diện hợp pháp của anh Thiện theo Giấy ủy quyền ngày 28/3/2011 (bút lục 151), bà H là đại diện hợp pháp của bà H2 theo Giấy ủy quyền ngày 15/4/2013 (bút lục 151), nhưng nội dung ủy quyền là tham gia tố tụng tại Tòa án sơ thẩm, phúc thẩm, không có nội dung người được ủy quyền được quyền thay đổi, bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét việc thay đổi yêu cầu của các ông bà Bé B, Hoa, Vân, Lâm về việc không yêu cầu chia thừa đất số 2392, diện tích 984m<sup>2</sup>, cũng không làm rõ, anh Thiện, bà H2 có rút một phần yêu cầu khởi kiện hay không, để từ đó đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện này của các đương sự theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự hoặc xem xét giải quyết chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế thửa đất 2392 nói trên. Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2020/DS-ST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang hoàn toàn chưa xem xét về yêu cầu chia thừa kế thửa đất 2392 của các đương sự.

Thứ hai, ban hành Thông báo không đúng quy định của pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C có ban hành thông báo số 116/2020/TB-TA ngày 20/4/2020 (bút lục 887) và thông báo số 117/2020/TB-TA ngày 20/4/2020 (bút lục 889) với nội dung thông báo cho những những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của các đương sự chết khi đang tham gia tố tụng là bà H2 và bà M, nếu có yêu cầu tiếp tục thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự này thì phải có đơn khởi kiện và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật. Thông báo này là không đúng với quy định tại Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bởi lẽ, theo quy định tại Khoản 1 Điều này, những người thừa kế của đương sự chết tham gia tố tụng trong vụ án theo nội dung đơn khởi kiện ban đầu

của người chết. Họ hoàn toàn không phải làm lại đơn kiện và đóng tạm ứng án phí vì thủ tục này đã được đương sự chết thực hiện.

Thứ ba, theo Giấy ủy quyền ngày 30/3/2020 (bút lục 855) có nội dung: anh Tuy quyền cho bà H tham gia tố tụng tại Tòa án sơ thẩm, phúc thẩm, không có nội dung ủy quyền làm đơn khởi kiện hay rút đơn kiện. Tuy nhiên, ngày 31/3/2020, bà H lại làm đơn khởi kiện với tư cách là đại diện ủy quyền của bà H2 (trong khi việc ủy quyền này chấm dứt theo quy định tại theo quy định tại điểm đ Khoản 3 Điều 140 Bộ luật Dân sự) và đại diện ủy quyền của anh T để khởi kiện yêu cầu nhận một kỷ phần thừa kế thế vị (bút lục 867). Anh T có ký tên phía dưới đơn nhưng không phải với tư cách là người khởi kiện. Nhận thấy, anh T không phải là người mất năng lực hành vi dân sự nên việc bà H đứng đơn khởi kiện thay anh là vượt quá phạm vi ủy quyền. Tuy vậy, Tòa án cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận thụ lý và cho anh T đóng tạm ứng án phí là trái với quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặc dù, ngày 16/4/2020, bà H2 có đơn xin rút đơn khởi kiện (bút lục 885) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là đơn khởi kiện của anh T và đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện này của anh là không đúng với quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà H mới phù hợp.

Thứ tư, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ ý kiến của những người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của Bà M về việc họ có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà M. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hoàng H, bà Nguyễn Thị Bé H là một trong những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà M, yêu cầu tiếp tục giải quyết đơn khởi kiện của bà M. Mặc dù, các đương sự không có ý kiến phản hồi đối với Thông báo số 117/2020/TB-TA ngày 20/4/2020 (bút lục 889) nhưng trong quá trình hòa giải hay tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm cần làm rõ ý chí của các đương sự có mặt theo Thông báo nói trên. Bản án sơ thẩm đã xác định những người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của Bà M là nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng lại quyết định đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Bà M với lý do không có người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng là mâu thuẫn và vi phạm quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bên cạnh đó, việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chưa chính xác. Tòa án nhân dân huyện C căn cứ vào ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, đồng ý tính số lượng cây trồng trên đất theo mật độ được quy định tại Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang là không đúng với thực tế, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự. Tòa án

nhân dân tỉnh Tiền Giang đã khắc phục bằng cách ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện C thực hiện nhưng các đương sự không đồng ý thực hiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 18/5/2021, bà Nguyễn Thị Cẩm H cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà phải hoàn trả giá trị cây trên đất do ông Htrông sau khi có quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 10/5/2016 (bút lục 530) là thiệt thòi cho quyền lợi của bà. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hthừa nhận có nhận được quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 10/5/2016 nhưng vẫn tiến hành trồng cây trên hai thửa đất tranh chấp. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, Tòa án cấp sơ thẩm cần xác định rõ số lượng cây do ông Htrông sau khi quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 10/5/2016 được thi hành. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hcho rằng không có căn cứ xác định anh Trần Minh T là con ông Nguyễn Hoàng K . Do đó, để việc chia thừa kế đúng quy định của pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm cần làm rõ căn cứ pháp lý xác định anh Thiện là con ông K .

Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm, bà H có yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ nhưng với những vi phạm trên, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm. Do hủy án sơ thẩm vì vi phạm về thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử chưa xem xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C cũng như kháng cáo của ông Hvề mặt nội dung và chưa xem xét đơn rút đơn khởi kiện của bà Bé B .

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên ông Hkhông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí sơ thẩm sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 148, Khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 108/2020/DS-ST ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

2/ Án phí:

Ông Nguyễn Hoàng H không phải chịu án phí phúc thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003930 ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
  - VKSND tỉnh Tiền Giang;
  - TAND huyện C;
  - CC THADS huyện C;
  - Các đương sự;
  - Phòng KTNV &THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ánh Phương**